

# VẬN DỤNG THUYẾT LỰA CHỌN HỢP LÝ (*RATIONAL CHOICE THEORY*) VÀ THUYẾT HOẠT ĐỘNG THƯỜNG NHẬT (*ROUTINE ACTIVITIES THEORY*) TRONG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM THAM NHŨNG TẠI VIỆT NAM

**TS NGUYỄN HUỲNH BẢO KHÁNH**

Khoa Luật Hình Sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh  
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law  
Email: nhbkhanh@hcmulaw.edu.vn

## Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích khả năng vận dụng hai học thuyết tội phạm học hiện đại là thuyết lựa chọn hợp lý (*rational choice theory*, RCT) và thuyết hoạt động thường nhật (*routine activities theory*, RAT) để hoàn thiện hoạt động phòng ngừa tội phạm tại Việt Nam. Từ việc tham khảo nội dung cơ bản của hai học thuyết, tác giả giải thích hành vi phạm tội tham nhũng của cá nhân là kết quả của một sự cân nhắc, lựa chọn khi các yếu tố rủi ro và cơ hội (tình huống) thuận lợi. Trên cơ sở đó, tác giả kiến nghị các biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm này trên thực tế bằng cách tác động vào các tình huống, tăng rủi ro và giảm lợi ích do tội phạm tham nhũng mang lại, đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm soát hiệu quả từ các chủ thể phòng ngừa tội phạm.

**Từ khóa:** thuyết lựa chọn hợp lý, thuyết hoạt động thường nhật, tội phạm tham nhũng, phòng ngừa tội phạm tham nhũng, Việt Nam, tội phạm học

## Abstract

The article focuses on analyzing the applicability of two modern criminology theories, namely the Rational choice theory (RCT) and the Routine activities theory (RAT), to improve crime prevention activities in Vietnam. By referencing the basic content of these two theories, the author approaches individual corrupt criminal behavior as the result of a deliberation and choice when favorable risk and opportunity (situational) factors are present. Based on this, the author proposes practical measures to prevent this group of crimes by influencing situations, increasing risks, and reducing the benefits derived from corruption, while simultaneously strengthening effective control measures from crime prevention entities.

**Keywords:** rational choice theory, routine activities theory, corruption crimes, prevention of corruption crimes, Vietnam, criminology

**DOI:** <https://doi.org/10.70236/khplvn.610>

**Ngày nhận bài:** 09/12/2025

**Ngày duyệt đăng:** 08/04/2026

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm phòng, chống các tội phạm tham nhũng và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Qua khảo sát đánh giá số liệu được thống kê từ Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng của Chính phủ từ 2017 - 2024, cơ quan điều tra thụ lý tổng 5613 vụ và tổng 13384 bị cáo. Trung bình mỗi năm 702 vụ, 1673 bị cáo, cao nhất là năm 2024 với 1538 vụ và 3897 bị cáo. Cũng theo các báo cáo này, tòa án đã xét xử tổng 3.152 vụ án và tổng 7.500 bị cáo. Trung bình mỗi năm 394 vụ, 938 bị cáo, trong đó cao nhất là năm 2024 với 917 vụ và 2.418 bị cáo.<sup>1</sup> Trong hoạt động nghiên cứu, nhiều công trình được triển khai ở các cấp nhưng phần lớn tiếp cận, giải quyết dưới góc độ pháp lý, chính trị, quản lý công. Các nghiên cứu này đã đóng góp đáng kể trong việc giải thích nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm tham nhũng và đề xuất các biện pháp phòng và chống tội phạm; tuy nhiên, khá ít công trình vận dụng

1 Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (chủ nhiệm), *Phòng ngừa các tội phạm về tham nhũng tại Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025, tr. 48.

các học thuyết tội phạm học hiện đại để giải thích cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng, nghiên cứu rõ vai trò của cơ hội và sự tính toán lợi ích khi thực hiện hành vi phạm tội. Chính do khoảng trống về nghiên cứu này đã khiến cho hoạt động phòng, chống tham nhũng chủ yếu tập trung vào phát hiện, xử lý sau khi tội phạm xảy ra và chưa chú trọng đúng mức việc khắc phục tình huống, xóa bỏ cơ hội tạo điều kiện nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra. Trong bối cảnh này, việc vận dụng các thuyết tội phạm học hiện đại, đặc biệt là thuyết Lựa chọn hợp lý (*rational choice theory, RCT*) và thuyết Hoạt động thường nhật (*routine activity theory, RAT*) sẽ giúp bổ sung cái nhìn đa chiều, toàn diện, góp phần lý giải rõ hơn cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng và góp phần đa dạng hướng nghiên cứu cho hoạt động phòng ngừa tội phạm tại Việt Nam.

Thuyết RCT được phát triển trong công trình “Tội ác và hình phạt” của James Anson Farrer – một bản dịch và bình luận về tác phẩm kinh điển của Cesare Beccaria, được viết vào cuối thế kỷ 19.<sup>2</sup> Nội dung thuyết này được thể hiện cụ thể hơn bởi tác giả Gary S. Becker (1968) trong công trình “*Crime and punishment: An economic approach*” của tạp chí *Journal of Political Economy*.<sup>3</sup> Theo đó, tội phạm là kết quả của một quá trình lựa chọn và ra quyết định “hợp lý” (*rational*), trong đó người phạm tội cân nhắc lợi ích sẽ đạt được so với rủi ro bị bắt giữ và bị trừng phạt. Nếu lợi ích thu được vượt trội so với nguy cơ rủi ro, cá nhân sẽ cho rằng hành vi phạm tội trở thành lựa chọn hợp lý.

Thuyết RAT được các tác giả Lawrence E. Cohen và Marcus Felson xây dựng từ năm 1979, cho rằng cơ hội phạm tội là yếu tố quyết định cho việc phát sinh tội phạm chứ không phải là đặc điểm cá nhân của con người đó. Nói cách khác, sự gia tăng hay sụt giảm tội phạm không chỉ do đặc điểm cá nhân mà chủ yếu do sự thay đổi trong hoạt động thường ngày của xã hội, đó là sự kết hợp giữa người có động cơ phạm tội và sự thiếu vắng việc giám sát từ người có trách nhiệm.<sup>4</sup>

Thuyết RAT được đề cập trong giáo trình “*Criminology: The Core*” của tác giả Larry J. Siegel, theo đó, tác giả cho rằng thuyết Lựa chọn hợp lý tập trung vào quá trình ra quyết định, sự suy nghĩ cân nhắc của người phạm tội trong khi thuyết Hoạt động thường nhật tập trung làm sáng tỏ các yếu tố môi trường và tình huống tạo điều kiện cho tội phạm xảy ra. Theo tác giả, một tội phạm xảy ra phải hội tụ ba yếu tố: (i) người phạm tội có động cơ (*motivated offender*), (ii) mục tiêu phù hợp (*suitable target*), (iii) sự thiếu vắng người bảo vệ có năng lực (*absence of capable guardianship*).<sup>5</sup> Như vậy, yếu tố về sự thiếu vắng người bảo vệ có năng lực được hiểu là thiếu sự hiện diện của người có khả năng ngăn chặn hoặc can thiệp để hành vi phạm tội không thể xảy ra như cơ quan điều tra, tổ chức, người dân... hoặc sự thiếu hoàn thiện của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở tham khảo nội dung của hai thuyết trên, mục tiêu của bài viết này là vận dụng hai thuyết tội phạm học hiện đại là RCT và RAT để phát sinh cơ chế

2 James Anson Farrer, *Crimes and punishments*, Turgut Dincer and the Online Distributed Proofreading Team, 2019.

3 Gary S. Becker, “Crime and punishment: An economic approach”, *Journal of Political Economy*, Vol. 76(2), 1968, tr. 169–217

4 Lawrence E. Cohen, and Marcus Felson, “Social change and crime rate trends: A routine activity approach”, *American Sociological Review*, Vol. 44(4), 1979, tr. 588–608.

5 Larry J. Siegel, *Criminology: The core*, 6th edition, Cengage Learning, 2017, Chương 4, tr. 58–61.

phát sinh tội phạm tham nhũng tại Việt Nam, từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm, trong đó tập trung vào việc kiểm soát tình huống, cơ hội phạm tội và điều chỉnh vấn đề lợi ích mà người có chức vụ, quyền hạn phải cân nhắc trước khi thực hiện tội phạm tham nhũng. Phạm vi của bài viết là tập trung nghiên cứu các tội phạm tham nhũng trong khu vực công tại Việt Nam với phương pháp nghiên cứu chủ yếu là nghiên cứu lý luận, phân tích, đối chiếu, thống kê số liệu từ các nguồn chính thống nhằm giải thích cơ chế của hành vi phạm tội để từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa.

## **1. Cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng tại Việt Nam được giải thích theo thuyết lựa chọn hợp lý và thuyết hoạt động thường nhật**

### **1.1. Cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng tại Việt Nam được giải thích theo thuyết lựa chọn hợp lý (RCT)**

Thuyết RCT, như đã trình bày, hành vi phạm tội, không phải là sự xuất hiện ngẫu nhiên mà là kết quả của sự lựa chọn có cân nhắc, tính toán, dựa trên việc so sánh giữa lợi ích có thể đạt được và những nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra. Khi vận dụng học thuyết này để giải thích cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng, có thể giải thích rằng người có chức vụ, quyền hạn sẽ lựa chọn việc thực hiện hành vi phạm tội khi họ cân nhắc rằng những lợi ích họ sẽ nhận được sẽ lớn hơn những nguy cơ bị phát hiện, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay bị thiệt hại về tài sản.

Thực trạng tình hình tội phạm tham nhũng tại Việt Nam cho thấy những lợi ích thu được từ các tội phạm tham nhũng là rất lớn, điều này đã khiến cho người có chức vụ, quyền hạn quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Theo Báo cáo số 653/BC-CP về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 gửi Quốc hội khóa XV ngày 17/10/2024, “Tổng số tài sản thiệt hại trong các vụ án đang thụ lý, điều tra trên 4.759 tỷ đồng, 47.704,2 m<sup>2</sup> đất và 138,4 ha đất; đã thu hồi trên 684 tỷ đồng, 16.695 m<sup>2</sup> đất và 967,4 ha đất; tạm giữ, kê biên, phong tỏa, ngăn chặn giao dịch trên 1.184,8 tỷ đồng và nhiều bất động sản, tài sản có giá trị khác (riêng vụ án xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn đã kê biên, thu giữ 315,75 tỷ đồng; 1,97 triệu USD; 534 cây vàng SJC; 1.444 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các loại); 97 miếng kim loại màu vàng, 695.344 USD; 1,97 triệu USD; 534 cây vàng SJC; 1.448 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các loại; 65 xe ô tô, mô tô các loại; 14.238 m<sup>2</sup> đất và 13 sổ tiết kiệm (tổng trị giá khoảng 1.117 tỷ đồng); kết quả điều tra, xử lý tội phạm tham nhũng của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng: tổng số tiền, tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt phát hiện được do tham nhũng: 91.742.748.694 đồng; kết quả thu hồi: 44.234.827.000 đồng.” Những con số này dù chưa phản ánh hết những lợi ích mà người phạm tội tham nhũng đã đạt được, nhưng phần nào cũng cho thấy sức hấp dẫn đặc biệt của lợi ích vật chất mà người phạm tội mong đợi, khiến cho hành vi phạm tội trở thành hợp lý theo tính toán cá nhân.

Tuy nhiên, đối nghịch với lợi ích khổng lồ này thì những rủi ro mà người phạm tội dự kiến phải gánh chịu vẫn thấp hơn nhiều. Nhiều vụ phạm tội bị phát hiện muộn, số tài sản bị thất thoát khó thu hồi và người phạm tội có thời gian hợp pháp hóa, thậm chí tẩu tán tài sản ra nước ngoài. Báo cáo 653/BC-CP cũng đã đề cập, việc truy bắt đối tượng bỏ trốn ra nước ngoài vẫn gặp nhiều khó khăn và việc thu hồi tài sản tham nhũng còn chậm, nhiều tài sản đang tranh chấp hoặc chưa rõ pháp

lý nên gây khó khăn cho thi hành án. Từ báo cáo này có thể thấy rằng nhiều tài sản bị tham nhũng không thể thu hồi, mặc dù có những trường hợp người phạm tội bị xét xử nhưng do tẩu tán kịp thời hoặc vì những lý do đã nêu trên nên họ vẫn giữ lại được phần tài sản đáng kể có được từ tội phạm tham nhũng. Trong sự tính toán, cân nhắc của người phạm tội thì rủi ro, chi phí này trở nên thấp và không đủ sức ngăn chặn việc quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, sự mất cân đối giữa lợi ích thu được và chi phí, rủi ro hay những nguy cơ phải gánh chịu đã khiến việc thực hiện hành vi phạm tội là sự lựa chọn hợp lý của nhiều người có chức vụ, quyền hạn - chủ thể của các tội phạm tham nhũng. Đây là nguyên nhân lý giải tại sao mặc dù hiểu rất rõ hành vi và hậu quả, họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Với sự lý giải này, có thể thấy rằng nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm tham nhũng tại Việt Nam không chỉ là sự suy thoái về đạo đức của người có chức vụ, quyền hạn mà còn là hậu quả của bài toán về lợi ích và rủi ro, như nội dung của RCT đã giải thích.

Mặc dù thuyết RCT đã chỉ ra được cơ chế tâm lý của người phạm tội khi cân nhắc lợi ích và rủi ro, chi phí phải gánh chịu, trên thực tế, cơ chế làm phát sinh hành vi phạm tội tham nhũng còn gắn liền với các yếu tố khách quan như cơ hội, tình huống, sự thiếu vắng các yếu tố kiểm soát, giám sát hiệu quả, hay còn gọi là điều kiện làm phát sinh tội phạm. Do đó, để có cái nhìn toàn diện hơn về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm tham nhũng, cần tiếp tục phân tích từ góc độ thuyết RAT nhằm giải thích hành vi phạm tội tham nhũng bằng sự kết hợp giữa động cơ, mục tiêu và sự vắng mặt của việc giám sát.

### ***1.2. Cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng tại Việt Nam được giải thích theo thuyết Hoạt động thường nhật (RAT)***

RAT giải thích cơ chế của hành vi phạm tội từ khía cạnh điều kiện hỗ trợ cho sự cân nhắc, quyết định đó, yếu tố mà trong Tội phạm học thường gọi là điều kiện, tình huống hỗ trợ cho tội phạm xảy ra. Khi vận dụng RAT để giải thích cơ chế phạm tội tham nhũng thì vai trò của tình huống, hoàn cảnh được đặc biệt chú ý, đặc biệt là sự thiếu vắng vai trò của người bảo vệ có năng lực (*absence of capable guardianship*).

Việc phạm tội có động cơ trong tình hình tội phạm tham nhũng hiện nay tại Việt Nam, dựa theo cách lý giải của RCT, là kết quả của quá trình cân nhắc giữa lợi ích và rủi ro. Người có động cơ phạm tội tham nhũng tại Việt Nam hiện nay là người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ học vấn cao, nhận biết được các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp, và cũng nhận thức được các lỗ hổng trong các quy định của pháp luật. Động cơ của người phạm tội tham nhũng được hình thành và quyết định bởi nhu cầu của họ, đó là nhu cầu vật chất, quyền lực và địa vị cao trong xã hội. Chính nhu cầu này là yếu tố trực tiếp hình thành động cơ phạm tội tương ứng, đó là động cơ vật chất như tích lũy tài sản, mong muốn có cuộc sống vật chất xa xỉ, sang trọng. Bên cạnh động cơ vật chất, người phạm tội tham nhũng còn xuất hiện các động cơ phi vật chất khác như quyền lực, địa vị. Sự tồn tại của động cơ chưa đủ để tội phạm xảy ra, mà cần phải có mục tiêu phù hợp và sự thiếu vắng người bảo vệ có năng lực.

Sự thiếu vắng người bảo vệ có năng lực là yếu tố đóng vai trò quan trọng thúc đẩy hành vi phạm tội xảy ra, theo học thuyết RAT. Người bảo vệ được hiểu theo

nghĩa rộng có thể là con người cụ thể có chức năng kiểm tra, giám sát việc thi hành công vụ, các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, nhưng cũng có thể là các quy định của pháp luật về kiểm soát quyền lực, các quy định về công khai, minh bạch... Bên cạnh đó, người bảo vệ còn có thể mở rộng phạm vi, bao gồm cả cơ quan báo chí, truyền thông, người dân, các tổ chức xã hội... trong vai trò giám sát, phát hiện các tội phạm tham nhũng. Ngoài ra, người bảo vệ “có năng lực” không chỉ là sự hiện diện về mặt hình thức, mà còn bao gồm khả năng phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm một cách độc lập và hiệu quả dựa trên chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định. Thực trạng tội phạm tham nhũng trong thời gian qua tại Việt Nam cho thấy người phạm tội có động cơ, có mục tiêu chỉ có thể thực hiện được hành vi phạm tội tham nhũng khi các quy định về pháp luật còn chưa hoàn thiện như còn chùng chéo hay “lỗ hổng”, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hiệu quả, còn tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi” hoặc cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng chưa đủ khuyến khích người dân tham gia tố giác tội phạm. Bên cạnh những yếu tố về pháp luật và thể chế này thì sự hạn chế trong năng lực, phẩm chất của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan bảo vệ pháp luật; tâm lý nể nang, ngại va chạm, sợ bị trả thù của những cán bộ, công chức, dù biết tội phạm đang diễn ra nhưng không tố giác tội phạm, là những yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho các tội phạm tham nhũng xảy ra. Trong vụ án Vạn Thịnh Phát và ngân hàng SCB, “người bảo vệ” đã bị vô hiệu hóa chính trong cơ chế kiểm soát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ. Người bảo vệ này đã không cảnh báo rủi ro, làm ngơ trước những sai phạm, thậm chí không kiểm soát mà còn hợp thức hóa các hồ sơ giả mạo. Nói cách khác, người bảo vệ không chỉ vắng mặt mà còn trở thành đồng phạm.<sup>6</sup> Bên cạnh đó, người bảo vệ rất quan trọng là cơ quan thanh tra thuộc ngân hàng nhà nước cũng đã bị mua chuộc và cũng trở thành đồng phạm. Cụ thể, bà ĐTN, trưởng đoàn thanh tra, đã nhận hối lộ 5,2 triệu đô la Mỹ để báo cáo không trung thực, che giấu toàn bộ sai phạm, và tình hình tài chính yếu kém của SCB.<sup>7</sup> Như vậy có thể thấy, sự thiếu vắng sự bảo vệ, giám sát có năng lực là yếu tố tình huống, tạo điều kiện cho các hành vi phạm tội của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và ngân hàng SCB xảy ra trong thời gian dài và gây thiệt hại vô cùng nghiêm trọng.

Qua việc phân tích cơ chế phát sinh các tội phạm tham nhũng tại Việt Nam dựa trên RCT và RAT, có thể thấy rằng người phạm tội đã có sự hình thành động cơ trên cơ sở tính toán lợi ích sẽ đạt được lớn hơn nhiều so với những rủi ro bị phát hiện hay bị trừng phạt. Bên cạnh đó, động cơ này sẽ nhanh chóng thúc đẩy người đó thực hiện hành vi phạm tội khi có những mục tiêu phù hợp và nhất là có sự thiếu vắng của người bảo vệ có năng lực. Nếu như RCT tập trung giải thích về việc hình thành động cơ phạm tội thì RAT nhấn mạnh vai trò của tình huống, điều kiện thuận lợi để động cơ biến thành hành vi phạm tội cụ thể. Việc nghiên cứu kết hợp hai học thuyết

6 Tuyết Mai, “Cựu trưởng đoàn thanh tra SCB bị tuyên chung thân vì nhận 5,2 triệu USD: ‘Bị cáo gần như mất tất cả’”, *Tuoitre Online*, 2024, <https://tuoitre.vn/cuu-truong-doan-thanh-tra-scb-bi-tuyen-chung-than-vi-nhan-5-2-trieu-usd-bi-cao-gan-nhu-mat-tat-ca-20241107112533861.htm>, truy cập ngày 25/10/2025, truy cập ngày 27/4/2026.

7 Diễn đàn của nhân dân, doanh nghiệp về xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, “Toàn cảnh đại án Vạn Thịnh Phát”, *Báo điện tử Chính phủ*, 2024, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/dai-an-van-thinh-phat-truy-to-truong-my-lan-va-85-bi-can-119231215145320997.htm>, truy cập ngày 25/10/2025.

này sẽ giúp việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội phạm tham nhũng tại phần 2 của bài viết sẽ có hệ thống và hiệu quả hơn.

## **2. Một số kiến nghị về vận dụng thuyết Lựa chọn hợp lý và thuyết Hoạt động thường nhật trong phòng ngừa các tội phạm về tham nhũng tại Việt Nam**

Từ những vấn đề đã trình bày và phân tích tại phần 1 của bài viết, có thể thấy rằng RCT và RAT đã cung cấp lý luận khá toàn diện nhằm giải thích cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội tham nhũng. Mặc dù bài viết trình bày hai thuyết RCT và RAT ở hai nội dung riêng biệt, nội dung của hai thuyết này có mối quan hệ và bổ sung cho nhau và đều được xem là những học thuyết thuộc trường phái “*Crime opportunity theory*” (lý thuyết Cơ hội phạm tội).<sup>8</sup> Chính vì tội phạm là kết quả của sự tương tác giữa con người có nhận thức (RCT) và môi trường có cơ hội thuận lợi (RAT) nên chiến lược phòng ngừa các tội phạm tham nhũng cần được xây dựng trên một nền tảng lý thuyết chung có sự kết nối nhằm đồng thời tác động vào ba yếu tố: thay đổi “phép tính” trong nhận thức của người có ý định phạm tội, bảo vệ những “mục tiêu” để cho những giá trị này khó bị chiếm đoạt, đồng thời củng cố hệ thống “người bảo vệ có năng lực” triệt tiêu các cơ hội hỗ trợ cho tội phạm xảy ra.

### **2.1. Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng dựa trên thuyết Lựa chọn hợp lý nhằm giảm lợi ích, tăng rủi ro của hành vi phạm tội**

Theo thuyết RCT, như đã trình bày, một cá nhân chỉ thực hiện hành vi phạm tội khi họ cho rằng lợi ích sẽ đạt được lớn hơn rất nhiều lần những rủi ro hoặc những thiệt hại mà họ phải gánh chịu. Trọng tâm của các biện pháp phòng ngừa tham nhũng là thiết lập một cơ chế quản trị sao cho lợi ích kỳ vọng từ hành vi sai phạm luôn thấp hơn cái giá phải trả. Yêu cầu đặt ra là phải tác động vào nhận thức của người có chức vụ, khiến họ thấu hiểu rằng những tổn thất khi bị phát hiện, từ hình phạt nghiêm khắc, tịch thu tài sản đến sự sụp đổ về địa vị, sẽ hoàn toàn lấn át mọi lợi ích vật chất nhất thời thu được. Do đó, để phòng ngừa các tội phạm tham nhũng theo RCT, cần thực hiện các việc sau:

*Thứ nhất*, để giảm lợi ích bất hợp pháp, cần tăng cường công khai, minh bạch trong các hoạt động đấu thầu, phân bổ ngân sách, tránh tình trạng độc quyền, lạm quyền của một bộ phận người có chức vụ, quyền hạn. Bên cạnh đó, các quy trình ra quyết định liên quan các dự án đầu tư, đấu thầu, cấp phép xây dựng, phân bổ ngân sách, mua sắm tài sản công... việc cần tuân theo quy trình chặt chẽ và sử dụng khoa học công nghệ để giám sát và phát hiện những điểm bất thường khi ban hành quyết định. Ví dụ điển hình cho kiến nghị này là việc tiếp tục triển khai các quy định về đấu thầu qua mạng (e-GP) theo Điều 50 Luật Đấu thầu năm 2023 nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường giám sát. Đây cũng là mô hình cần được nhân rộng với các hoạt động có liên quan đến tài sản của Nhà nước. Tuy nhiên, với sự tinh vi của các tội phạm tham nhũng hiện nay thì bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện các quy định này cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống và kỹ năng của cán bộ phụ trách để tránh các hành vi biến tướng, chống lại các thủ đoạn ngày càng tinh vi vô hiệu hóa tính minh bạch mà các hệ thống này hướng đến.

8 Marcus Felson, Ronald V. Clarke, “Police Research Series Paper 98 - Opportunity makes the thief practical theory for crime prevention”, *Policing and Reducing Crime Unit: Police Research Series*, The Policing and Reducing Crime Unit (PRC Unit), 1998.

*Thứ hai*, tăng tính rủi ro và hậu quả bất lợi mà người phạm tội tham nhũng phải gánh chịu. Tăng tính rủi ro ở đây được hiểu là tăng cường khả năng phát hiện sớm, làm cho người có động cơ phạm tội nhận thức rằng nếu họ thực hiện hành vi phạm tội thì hành vi của họ sẽ bị phát hiện. Điều này đòi hỏi phải xây dựng hệ thống giám sát hiệu quả từ trung ương đến địa phương, tăng cường năng lực của các chủ thể phòng ngừa chuyên trách và thường xuyên như các cơ quan thanh tra, kiểm toán. Các chủ thể chuyên trách này cần được đảm bảo tính độc lập, chuyên nghiệp, đẩy mạnh hoạt động thanh kiểm tra đột xuất và tập trung vào những lĩnh vực, dự án có rủi ro cao như mua sắm tài sản công, đất đai, ngân hàng... Bên cạnh đó, các chủ thể không chuyên trách như người dân, tổ chức, báo chí... cần được khuyến khích tham gia tố giác các hành vi có dấu hiệu phạm tội tham nhũng. Tuy nhiên, yêu cầu này phải đi kèm với việc hoàn thiện và nâng cao tính khả thi của pháp luật bảo vệ người tố giác tội phạm, tạo cơ chế bảo vệ, khen thưởng người tố giác tội phạm. Mặc dù Luật Tố cáo năm 2018 dành một chương riêng (Chương VI) để quy định cụ thể về việc bảo vệ người tố cáo nhưng việc bảo vệ người tố giác tội phạm vẫn còn nhiều thách thức như người tố giác tội phạm tham nhũng vẫn còn lo sợ việc bị trả thù, trả thù vì các hành vi trả thù này được đánh giá ngày càng tinh vi và phức tạp<sup>9</sup> vì người bị tố giác, tố cáo là những người có chức vụ, quyền hạn, người có địa vị cao trong xã hội, thậm chí là cấp trên của người tố giác.

Bên cạnh việc tăng tính rủi ro bằng cách phát hiện sớm hành vi phạm tội, phòng ngừa các tội tham nhũng theo RCT còn thể hiện ở việc tăng hậu quả bất lợi mà người phạm tội tham nhũng phải gánh chịu nếu như tội phạm bị phát hiện. Hậu quả bất lợi mà người phạm tội tham nhũng phải gánh chịu bao gồm hình phạt do Tòa án tuyên; hậu quả về vật chất như bị tịch thu, thu hồi tài sản; hậu quả về chính trị như bị khai trừ khỏi Đảng, xóa chức vụ (cho dù đã nghỉ hưu) và hậu quả về danh dự, thể diện (như công khai danh tính trên các phương tiện thông tin đại chúng). Để tăng hậu quả bất lợi cho người phạm tội thì phải : (i) tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là pháp luật hình sự, nhằm bảo đảm việc áp dụng hình phạt nghiêm minh, qua đó gia tăng chi phí mà người phạm tội phải gánh chịu, góp phần nâng cao hiệu quả răn đe đối với tội phạm tham nhũng; hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, cụ thể là bổ sung hình thức phong tỏa tài sản ngay từ giai đoạn điều tra và hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý các tài sản không giải trình được nguồn gốc, (ii) việc áp dụng hình phạt và các hậu quả bất lợi nêu trên, đối với các vụ phạm tội đã xảy ra, phải bảo đảm tính nghiêm minh, kịp thời và thống nhất trong thực thi pháp luật, theo đó mọi hành vi phạm tội tham nhũng đều bị phát hiện, xử lý đúng quy định, không có ngoại lệ, không bị can thiệp hay nương nhẹ; đồng thời, các cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền phải thực hiện đầy đủ, trách nhiệm và liêm chính chức năng của mình trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, nhằm bảo đảm rằng các chế tài pháp luật được áp dụng trên thực tế một cách hiệu quả, qua đó nâng cao tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

<sup>9</sup> Công ty TNHH Bản tin Thị trường Việt Nam, “Hành vi trả thù người tố cáo ngày càng tinh vi, phức tạp”, *Bản tin Thị trường Việt Nam*, 2024, <https://thitruongvietnam.vn/phap-luat/hanh-vi-tra-thu-nguoi-to-cao-ngay-cang-tinh-vi-phuc-tap-734292.html>, truy cập ngày 7/7/2025.

## **2.2. Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng theo thuyết Hoạt động thường nhật nhằm tăng cường vai trò của người bảo vệ có năng lực**

Để tăng cường vai trò của người bảo vệ có năng lực, có hai giải pháp cần được cân nhắc. *Một là*, nâng cao năng lực và tính độc lập của các chủ thể phòng ngừa tham nhũng chuyên nghiệp và thường xuyên như: cơ quan thanh tra, kiểm toán cần được trao quyền hạn thực chất, được đảm bảo tính độc lập trong hoạt động. Hiện tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chưa quy định việc giám sát chéo giữa các cơ quan. Trong tương lai, cần nghiên cứu bổ sung quy định trong luật về cách thức giám sát này nhằm tránh trường hợp “vừa đá bóng vừa thổi còi”; đồng thời cần có cơ chế bảo vệ, giám sát những người có chức vụ, quyền hạn khi họ phát hiện những sai phạm trong quá trình thanh tra, kiểm toán... tránh trường hợp họ bị trả thù hoặc bị mua chuộc. *Hai là*, tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình, công khai quy trình khi ban hành các quyết định. Việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn cần được tiến hành thực chất và được xã hội giám sát, hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý thông tin tố giác và phản ánh tham nhũng, bảo đảm tính minh bạch và có phản hồi kết quả xử lý. *Ba là*, phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông, các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân trong việc phát hiện, phản ánh các hành vi có dấu hiệu của tội phạm tham nhũng. Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật để các chủ thể này tiếp cận thông tin nhằm tăng cường giám sát hoạt động công vụ, của người có chức vụ, quyền hạn cũng như kịp thời phát hiện những bất thường về tài sản, thu nhập, chi tiêu của họ, thì những chủ thể này cũng cần được có cơ chế bảo vệ tránh khỏi sự trù dập, trả thù. *Bốn là*, sử dụng công nghệ như một người bảo vệ có năng lực, cụ thể như sử dụng *Artificial intelligence*, dữ liệu lớn (*big data*) và công nghệ truy vết số (*digital traceability technology*) nhằm phát hiện các giao dịch bất thường, các dòng tiền lạ hoặc các chi tiêu không hợp lý trong ngân sách nhà nước; đối chiếu dữ liệu liên quan việc kê khai tài sản, hồ sơ đấu thầu để kịp thời phát hiện các xung đột về lợi ích đồng thời dự báo về tham nhũng bằng việc phân tích mô hình ra quyết định của người có chức vụ, quyền hạn đang thực hiện công vụ ở vị trí có nguy cơ tham nhũng cao.<sup>10</sup>

## **2.3. Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng dựa trên kết hợp thuyết Lựa chọn hợp lý và thuyết Hoạt động thường nhật**

Sự kết hợp giữa RCT và RAT cho phép xây dựng các giải pháp phòng ngừa các tội phạm tham nhũng toàn diện và hiệu quả, đó là không chỉ ngăn ngừa ý định, động cơ phạm tội mà còn đồng thời xóa bỏ cơ hội, điều kiện hỗ trợ cho tội phạm xảy ra. Các biện pháp này không được thực hiện riêng lẻ mà cần được triển khai trong mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các chủ thể trong việc ban hành, thực thi và giám sát. Cụ thể:

10 Gianluca Gabrielli, Carlotta Magri, Alice Medioli, Pier Luigi Marchini, “The power of big data affordances to reshape anti-fraud strategies”, *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 205, 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2024.123507>; Natalia Maslii, Natalia Zakharchenko, Viktoriia Butenko, Oksana Savastieieva, Tetiana Butenko and Liudmyla Shyriaieva, “Modern technologies of detection and prevention of corruption in emerging information society”, *Problems and Perspectives in Management*, Vol. 16(1), 2018, tr. 58-67, DOI: [https://doi.org/10.21511/ppm.16\(1\).2018.06](https://doi.org/10.21511/ppm.16(1).2018.06)

*Thứ nhất*, Chính phủ cần xây dựng môi trường các cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo hướng chuẩn hóa và số hóa nhằm cản trở việc hình thành động cơ phạm tội và xóa bỏ cơ hội phạm tội, nhất là trong toàn bộ quy trình ra các quyết định, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính, đầu tư, y tế. Việc áp dụng chữ ký số, hệ thống truy vết số (*digital traceability*) sẽ giúp lưu giữ lại quá trình phê duyệt, từ người thực hiện đến thời gian thực hiện cho đến việc thay đổi dữ liệu.

*Thứ hai*, tăng khả năng phát hiện tội phạm tham nhũng và tăng hậu quả mà người phạm tội tham nhũng phải gánh chịu để hành vi phạm tội sẽ không trở thành hợp lý, từ đó ngăn chặn ý định phạm tội của người có chức vụ, quyền hạn. Như đã trình bày ở kiến nghị trước, tăng khả năng phát hiện tội (tức là tăng rủi ro cho người phạm tội) được thực hiện bằng cách xây dựng hệ thống giám sát, kiểm soát từ trung ương đến địa phương, bao gồm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hoạt động giám sát, kiểm tra của các chủ thể chuyên trách và không chuyên trách đồng thời sử dụng công nghệ cao. Theo Báo cáo Phòng, chống tham nhũng năm 2023 của Thanh tra Chính phủ, tỷ lệ thu hồi tài sản mới đạt 54,5%, điều này cho thấy “rủi ro” mà người phạm tội gánh chịu còn khá thấp. Vì vậy, để tăng hậu quả mà người phạm tội tham nhũng phải gánh chịu thì các chủ thể phòng ngừa tội phạm cần củng cố người bảo vệ có năng lực như cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan truyền thông, các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân.

*Thứ ba*, phát huy vai trò của người bảo vệ có năng lực, mở rộng phạm vi chủ thể bảo vệ bao gồm những chủ thể là cơ quan, con người cụ thể (chuyên trách và không chuyên trách) và những chủ thể thể chế (*institutional guardian*), đó là hệ thống các quy định pháp luật có chức năng giám sát và kiểm soát quyền lực. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Gary S. Becker, “Crime and Punishment: An Economic Approach”, *Journal of Political Economy*, Vol. 76(2), 1968
- [2] Lawrence E. Cohen, and Marcus Felson, “Social change and crime rate trends: A routine activity approach”, *American Sociological Review*, Vol. 44(4), 1979
- [3] James Anson Farrer, *Crimes and Punishments*, Turgut Dincer and the Online Distributed Proofreading Team, 2019
- [4] Marcus Felson, Ronald V. Clarke, “Police Research Series Paper 98 - Opportunity makes the thief practical theory for crime prevention”, *Policing and Reducing Crime Unit: Police Research Series, The Policing and Reducing Crime Unit (PRC Unit)*, 1998
- [5] Gianluca Gabrielli, Carlotta Magri, Alice Medioli, Pier Luigi Marchini, “The power of big data affordances to reshape anti-fraud strategies”, *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 205, 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2024.123507>
- [6] Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (chủ nhiệm), *Phòng ngừa các tội phạm về tham nhũng tại Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025 [trans: Nguyen Huynh Bao Khanh (lead researcher), *Prevention of corruption crimes in Vietnam*, School-level scientific research project, Ho Chi Minh City University of Law, 2025]
- [7] Natalia Maslii, Natalia Zakharchenko, Viktoriia Butenko, Oksana Savastieieva, Tetiana Butenko and Liudmyla Shyriaieva, “Modern technologies of detection and prevention of corruption in emerging information society”, *Problems and Perspectives in Management*, Vol. 16(1), 2018, DOI: [https://doi.org/10.21511/ppm.16\(1\).2018.06](https://doi.org/10.21511/ppm.16(1).2018.06)
- [8] Larry J. Siegel, *Criminology: The Core*, 6th edition, Cengage Learning, 2017